

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 2

BÁO CÁO

(Công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp)

Cung cấp, cập nhật thông tin về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và khả năng tham gia vào Thị trường lao động của sinh viên, Thông qua những số liệu này, nhà trường nghiên cứu, xem xét, điều chỉnh cơ cấu ngành đào tạo, kế hoạch đào tạo cho mỗi ngành cũng như nội dung, chương trình giảng dạy; hoặc bổ xung những kiến thức cần thiết giúp sinh viên tốt nghiệp có thêm nhiều cơ hội trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp, ổn định, đáp ứng được ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội.

Tạo cơ sở dữ liệu thống nhất, tin cậy để phục vụ công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Phòng Công tác chính trị và sinh viên báo cáo với Ban Giám hiệu về công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp như sau:

I. Công tác khảo sát đã tiến hành:

Đề tài điều tra, khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2002, 2008:

Chương trình điều tra sinh viên tốt nghiệp Đại học năm 2002 được thu thập theo những nội dung chủ yếu sau:

- Các thông tin chung về tên, tuổi, giới tính, ngành đào tạo, thời gian tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp của sinh viên đã tốt nghiệp Đại học thuộc đối tượng điều tra.
- Tình trạng đi làm thêm trong năm học cuối ở trường.

- Tình trạng tham gia các khoá đào tạo sau tốt nghiệp,
- Tình trạng việc làm hiện nay.
- Ý kiến của sinh viên tốt nghiệp về sự phù hợp giữa công việc chính hiện tại với ngành đào tạo trong nhà trường

1. Đề tài năm 2002

Đối tượng điều tra là sinh viên tốt nghiệp Đại học hệ chính qui, bao gồm:

- Sinh viên tốt nghiệp năm 2001;
- Sinh viên tốt nghiệp năm 2002;

Tổng số sinh viên điều tra: 1487 sinh viên

Phương pháp được sử dụng trong điều tra SVTN 2002 là điều tra qua thư. Căn cứ vào số phiếu điều tra trả lời, số lượng và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm của từng ngành như sau: (đơn vị %)

Ngành	SVTNTL có việc làm	Nữ
Tin học quản lý	89.92	96.67
Điện tử Viễn thông	97.14	100.00
Nội thất	100.00	100.00
Đồ hoạ, sơn mài	100.00	0.00
Thời trang	100.00	100.00
Kiến trúc	100.00	0.00
Công nghệ sinh học	98.91	97.62
Kế toán	100.00	100.00
Quản trị kinh doanh	100.00	100.00
Quản trị DL- KS	100.00	100.00
Hướng dẫn du lịch	97.62	100.00
Tiếng Anh	98.57	100.00
Tổng số	96.79	99.58

Trong số 603 SVTNTL thì có 20 sinh viên không có việc làm (chiếm 3.21%)
 Trong số sinh viên chưa có việc làm này thì phần lớn là do họ tiếp tục đi học (75.00%), còn lại là do xin việc nhưng chưa thành công. Trong số 20 sinh viên chưa có việc làm, chỉ có 10 sinh viên nữ chưa có việc làm.

Cơ cấu SVTNTL có việc làm chia theo mức độ sử dụng hữu ích kiến thức học ở trường cho công việc hiện tại: (biểu 13)

Ngành	Rất hữu ích	Hữu ích	ít hữu ích	Không hữu ích
Tin học quản lý	18.75	55.36	22.32	3.57
Điện tử Viễn thông	16.42	37.31	41.79	4.48
Nội thất	4.76	85.71	4.76	4.76
Đồ hoạ, sơn mài	0.00	100.00	0.00	0.00
Thời trang	60.00	20.00	20.00	0.00
Kiến trúc	27.27	54.55	18.18	0.00
Công nghệ sinh học	8.79	52.75	34.07	4.40
Kế toán	28.07	64.91	8.77	0.00
Quản trị kinh doanh	3.13	75.00	21.88	0.00
Quản trị DL- KS	21.52	56.96	21.52	0.00
Hướng dẫn du lịch	41.03	38.34	12.82	7.69
Tiếng Anh	37.50	37.35	17.05	7.95
Tổng số	21.56	52.24	22.72	3.65

Qua bảng số liệu trên ta thấy phần lớn SVTN có việc làm phù hợp với chuyên ngành đã được đào tạo (21.56% rất hữu ích và 52,24 % hữu ích), số sinh viên cho

rằng lượng kiến thức được học trong nhà trường không phù hợp chỉ chiếm số ít (3.65%)

2. Đề tài năm 2008

Đối tượng điều tra là sinh viên tốt nghiệp Đại học hệ chính qui, bao gồm:

- Sinh viên tốt nghiệp năm 2006;
- Sinh viên tốt nghiệp năm 2007;

Tổng số sinh viên điều tra: 1282 sinh viên

Phương pháp được sử dụng trong điều tra SVTN 2008 là điều tra qua thư. Căn cứ vào số phiếu điều tra trả lời, số lượng và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm của từng ngành như sau: (đơn vị %)

Ngành	SVTNTL có việc làm	Nữ
Tin học quản lý	98.02	100.00
Điện tử Viễn thông	98.23	100.00
Nội thất	100.00	100.00
Đồ họa, sơn mài	100.00	0.00
Thời trang	100.00	100.00
Kiến trúc	100.00	0.00
Công nghệ sinh học	100.00	100.00
Kế toán	100.00	100.00
Quản trị kinh doanh	98.67	100.00
Quản trị DL- KS	91.00	100.00
Hướng dẫn du lịch	100.00	100.00
Tiếng Anh	100.00	100.00
Tổng số	99.42	100.00

Trong số 852 SVTNTL thì có 5 sinh viên không có việc làm (chiếm 0.58%)

Cơ cấu SVTNTL có việc làm chia theo mức độ sử dụng hữu ích kiến thức học ở trường cho công việc hiện tại:

Ngành	Rất hữu ích	Hữu ích	Ít hữu ích	Không hữu ích
Tin học quản lý	5.05	72.73	20.20	2.02
Điện tử Viễn thông	8.11	62.16	27.93	1.80
Nội thất	21.05	78.95	0.00	0.00
Đồ hoạ, sơn mài	13.79	75.86	10.34	0.00
Thời trang	15.63	81.25	3.13	0.00
Kiến trúc	12.24	75.51	12.24	0.00
Công nghệ sinh học	4.23	84.51	9.86	1.41
Kế toán	8.45	70.42	21.13	0.00
Quản trị kinh doanh	6.76	58.11	33.78	1.35
Quản trị DL- KS	4.40	79.12	16.48	0.00
Hướng dẫn du lịch	12.07	81.03	6.9	0.00
Tiếng Anh	15.38	73.43	11.19	00
Tổng số	9.4	72.96	16.88	0.76

Qua bảng số liệu trên ta thấy phần lớn SVTN có việc làm phù hợp với chuyên ngành đã được đào tạo (9.4% rất hữu ích và 72.96 % hữu ích), số sinh viên cho rằng lượng kiến thức được học trong nhà trường không phù hợp chỉ chiếm số ít (0.76%)

II. Công tác điều tra trong thời gian tới:

- Từ năm học 2009 – 2010 sẽ tiến hành khảo sát điều tra tình hình sinh viên tốt nghiệp từ năm 2008, phối hợp với phòng Quản lý đào tạo, các Khoa chuyên ngành để thu thập dữ liệu của sinh viên bằng nhiều hình thức (điện thoại, email, địa chỉ...) để cập nhật vào hệ thống quản lý dữ liệu.

- Nâng cấp, phát triển phần mềm “Điều tra sinh viên tốt nghiệp”, đa dạng nội dung của phiếu hỏi để có được thông tin đa dạng về sinh viên tốt nghiệp.
- Tăng số lượng khảo sát để có được kết quả tin cậy hơn về tình hình sinh viên tốt nghiệp
- Đưa mẫu phiếu trả lời tự động lên website: www.hou.edu.vn của trường để thường xuyên cập nhật được thông tin về tình hình sinh viên tốt nghiệp

Trưởng phòng

ThS. Nguyễn Xuân Sơn